

**Danh mục các hiệp định, thoả thuận miễn thị thực
giữa Việt Nam và các nước
(tính đến ngày 06/02/2009)**

Việt Nam đã ký Hiệp định và thoả thuận về miễn thị thực với 55 nước
(ký 56 Hiệp định), trong đó 54 Hiệp định, thoả thuận đã có hiệu lực. Có 2 Hiệp
định chưa có hiệu lực.

- | | |
|---------------------------|------------------------------|
| 1) Ác-hen-ti-na | 28) Mông-tê-nê-grô |
| 2) An-ba-ni | 29) Mi-an-ma |
| 3) An-giê-ri | 30) Mô-dăm-bích |
| 4) Áp-ga-ni-xtan | 31) Nam Phi |
| 5) Ấn Độ | 32) Nga |
| 6) Băng-la-đét | 33) Nhật Bản |
| 7) Bê-la-rút | 34) Ni-ca-ra-go-a |
| 8) Bra-xin | 35) Pakistan |
| 9) Bru-nây | 36) Pa-na-ma |
| 10) Bun-ga-ri | 37) Pê-ru |
| 11) Cam-pu-chia | 38) Pháp |
| 12) Chi-lê | 39) Phi-líp-pin |
| 13) Cu-ba | 40) Paraguay |
| 14) Đô-mi-ni-ca | 41) Ru-ma-ni |
| 15) Ê-cu-a-đo | 42) Cộng hoà Séc |
| 16) Hàn Quốc | 43) Séc-bia |
| 17) Hung-ga-ri | 44) Sri Lan-ka |
| 18) In-đô-nê-xi-a | 45) CHDCND Triều Tiên |
| 19) I-ran | 46) Trung Quốc |
| 20) I-rắc | 47) Thái Lan |
| 21) Kư-rư-gis-xtan | 48) Thổ Nhĩ Kỳ |
| 22) Lào | 49) Tuy-ni-di |
| 23) Ma-lai-xi-a | 50) U-crai-na |
| 24) Ma-rôc | 51) Vê-nê-du-ê-la |
| 25) Mê-hi-cô | 52) Xin-ga-po |
| 26) Môn-đô-va | 53) Xlô-va-ki-a |
| 27) Mông Cổ | 54) U-ru-goay |

Chữ viết tắt:

HCNG	hộ chiếu ngoại giao
HCCV	hộ chiếu công vụ
HCĐB	hộ chiếu đặc biệt
HCPT	hộ chiếu phổ thông
CQĐDNG	cơ quan đại diện ngoại giao
CQLS	cơ quan lãnh sự
TCQT	tổ chức quốc tế

- Miễn thị thực bao gồm việc miễn thị thực nhập cảnh, xuất cảnh và quá cảnh.
- Thời gian tạm trú miễn thị thực được tính từ ngày nhập cảnh.

STT	Nước	Nội dung miễn thị thực
1	Ác-hen-ti-na	<i>(Hiệp định ký ngày 14/9/1999, có hiệu lực từ ngày 13/11/1999):</i> - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. - Miễn thị thực cho thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú 60 ngày, trong thời gian đó họ phải hoàn tất các thủ tục cần thiết tại cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận. Qui định này không áp dụng đối với nhân viên phục vụ riêng.
2	An-ba-ni	<i>(trao đổi công hàm ngày 29/9/1956, có hiệu lực từ 1/10/1956):</i> Miễn thị thực cho người mang HC ^Ả G, HCCV và hộ chiếu tập thể đi công vụ.
3	An-giê-ri	<i>(Hiệp định ký ngày 30/6/1994, có hiệu lực từ ngày 02/01/1995):</i> - Miễn thị thực cho người mang HC ^Ả G, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày; nếu muốn tạm trú quá 90 ngày họ phải làm các thủ tục cần thiết xin cấp thị thực tạm trú hoặc đăng ký cư trú theo quy định của nước sở tại. - Cấp thị thực tạm trú hoặc đăng ký cư trú miễn phí cho thành viên CQĐD ^Ả G, CQLS và thành viên gia đình sống chung một hộ với họ. Thời hạn thị thực có giá trị đến hết nhiệm kỳ công tác. - Cấp thị thực cho HCPT miễn thu lệ phí.
4	Áp-ga-ni-xtan	<i>(Hiệp định ký ngày 28/12/1987, có hiệu lực từ ngày 26/2/1988):</i> - Miễn thị thực cho người mang HC ^Ả G, HCCV. - Cấp thị thực cho HCPT miễn thu lệ phí.
5	Ấn Độ	<i>(Hiệp định ký ngày 7/9/1994, có hiệu lực từ ngày 23/3/1995):</i> - Miễn thị thực cho người mang HC ^Ả G, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gian hạn theo yêu cầu của CQĐD ^Ả G, CQLS. - Thành viên CQĐD ^Ả G, CQLS, TCQT và vợ hoặc chồng, con cùng sống với họ mang HC ^Ả G, HCCV, được nhập cảnh miễn thị thực và được cấp thị thực tạm trú có giá trị trong suốt nhiệm kỳ công tác theo đề nghị bằng văn bản của cơ quan đại diện liên quan.

6	Băng-la-đét	<p><i>(Hiệp định ký ngày 11/5/1999, có hiệu lực từ ngày 10/7/1999):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực với thời gian tạm trú tối đa 90 ngày cho: công dân Việt ả am mang HC^Ả G, HCCV; công dân Băng-la-đét mang HC^Ả G và HC đi nước ngoài có dấu “công vụ”. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐĐ^Ả G, CQLS. - Miễn thị thực cho thành viên CQĐĐ^Ả G, CQLS, TCQT và vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi của họ mang HC^Ả G, HCCV (hoặc tên của con được ghi vào HC của cha mẹ) với thời gian tạm trú 90 ngày; việc nhập cảnh phải được thông báo trước qua đường ngoại giao. Trong thời hạn 90 ngày, những người này phải làm thủ tục lưu trú cần thiết theo qui định của nước sở tại; - Con dưới 18 tuổi của thành viên CQĐĐ^Ả G, CQLS mang HCPT được hưởng chế độ miễn thị thực như của cha, mẹ (với điều kiện có công hàm xác nhận của CQĐĐ^Ả G, CQLS hoặc Bộ ả ngoại giao nước mình).
7	Bê-la-rút	<p><i>(Hiệp định ký ngày 25/10/1993, có hiệu lực từ ngày 24/11/1993):</i></p> <p>Miễn thị thực cho người mang HC^Ả G, HCCV. Trẻ em dưới 7 tuổi không nhất thiết phải có ảnh trong hộ chiếu của cha mẹ hay người đi kèm.</p>
8	Bra-xin	<p><i>(Trao đổi công thư ngày 16/11/2004, có hiệu lực ngày 12/2/2005)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HC^Ả G với thời gian tạm trú 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐĐ^Ả G, CQLS. - Miễn thị thực cho thành viên CQĐĐ^Ả G, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HC^Ả G trong suốt nhiệm kỳ công tác. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhập cảnh, họ phải làm thủ tục đăng ký cư trú tại cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận.
9	Bru-nây	<p><i>(trao đổi công hàm, có hiệu lực từ ngày 1/11/1997)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HC^Ả G, HCCV với thời gian tạm trú không quá 14 ngày. <p><i>(Bạn trao công hàm cho ta, có hiệu lực từ ngày 01/8/2007)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho công dân Việt ả am mang HCPT còn giá trị sử dụng ít nhất 6 tháng với thời gian tạm trú không quá 14 ngày. <p><i>(Ta trao công hàm cho Bru-nây, có hiệu lực từ ngày 08/8/2007)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho công dân Bru-nây mang HCPT còn giá trị sử dụng ít nhất 6 tháng với thời gian tạm trú không quá 14 ngày.
10	Bun-ga-ri	<p><i>(trao đổi công hàm, có hiệu lực từ ngày 1/6/1966):</i></p> <p>Miễn thị thực cho người mang HC^Ả G, HCCV, HCPT đi công vụ, hộ chiếu tập thể đi công vụ và những người mang các HC trên đi du lịch tổ chức thành đoàn.</p>
11	Căm-pu-chia	<p><i>(Hiệp định ký ngày 30/11/1979, có hiệu lực từ ngày ký):</i></p> <p>Miễn thị thực cho người mang HC^Ả G, HCCV, giấy thông hành ngoại giao, công vụ, không quy định cụ thể thời gian miễn thị thực.</p> <p><i>(Hiệp định ký ngày 4/11/2008, có hiệu lực từ 4/12/2008)</i></p> <p>Miễn thị thực cho người mang HCPT. Thời gian tạm trú không quá 14 ngày.</p>
12	Chi-lê	<p><i>(Hiệp định ký ngày 22/10/2003, có hiệu lực từ ngày 25/6/2005):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HC^Ả G, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90

		<p>ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn tối đa 90 ngày theo yêu cầu của CQĐDDã G, CQLS.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDDã G, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCã G, HCCV (hoặc tên con của họ được ghi vào HC của cha hoặc mẹ).
13	Cu-ba	<p><i>(Hiệp định ký ngày 31/8/1981, đang có hiệu lực):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực đối với công dân Việt ả am mang HCã G, HCCV, HCPT đi công vụ và hộ chiếu thuyền viên; đối với công dân Cu-ba mang HCã G, HCCV, hộ chiếu chính thức và hộ chiếu hàng hải. - Cấp thị thực cho các loại HC khác miễn thu lệ phí.
14	Đô-mi-ni-ca	<p><i>(Hiệp định ký ngày 30/08/2007, có hiệu lực từ ngày 29/09/2007)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HCã G, HCCV với thời hạn tạm trú tối đa là 90 ngày. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDDã G, CQLS và phái đoàn đại diện tại Tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ của Bên ký kết kia. Quy định này cũng áp dụng đối với thành viên gia đình của họ nếu mang HCã G, HCCV.
15	Ê-cu-a-đô	<p><i>(Hiệp định ký ngày 20/08/2007, có hiệu lực từ ngày 19/09/2007)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HCã G, HCCV, HCĐB với thời hạn tạm trú tối đa là 90 ngày. Thời hạn tạm trú có thể được gia hạn không quá 90 ngày trên cơ sở có văn bản đề nghị của CQĐDDã G, CQLS. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDDã G, CQLS, bao gồm cả các thành viên gia đình (vợ hoặc chồng và con sống phụ thuộc cha mẹ) mang HCã G, HCCV, HCĐB đóng trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.
16	Hàn Quốc	<p><i>(Hiệp định ký ngày 15/12/1998, có hiệu lực từ ngày 13/1/1999):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HCã G, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDDã G, CQLS. ả gười mang HCã G, HCCV muốn tạm trú quá 90 ngày phải xin thị thực trước và được cấp thị thực miễn thu lệ phí. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDDã G, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCã G, HCCV.
17	Hung-ga-ri	<p><i>(Hiệp định ký ngày 4/5/1993, có hiệu lực từ ngày 1/8/1993)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HCã G, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDDã G, CQLS. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDDã G, CQLS, cơ quan thương mại, TCQT và vợ hoặc chồng, con vị thành niên cùng sống với họ mang HCã G, HCCV. <p><i>(Trao đổi công hàm tạo điều kiện thuận lợi cho người mang HCPT đi công vụ, có hiệu lực từ ngày 01/8/1993):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp thị thực cho HCPT đi công vụ trong vòng 7 ngày làm việc, miễn thu lệ phí với điều kiện có công hàm của Cục Lãnh sự Bộ ả ngoại giao Việt ả am hoặc Vụ

		Lãnh sự Bộ � goại giao Hung-ga-ri khẳng định tính chất công vụ của chuyến đi.
18	In-đô-nê-xi-a	<p>(Trao đổi công hàm ngày 19/8/1998; có hiệu lực ngày 19/9/1998):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HC� G, HCCV với thời gian tạm trú không quá 14 ngày. - Thành viên CQĐĐ� G, CQLS và vợ hoặc chồng, con cùng đi mang HC� G, HCCV phải xin thị thực trước khi đi công tác nhiệm kỳ. - Cấp thị thực miễn phí cho người mang HCPT được mời tham dự các hoạt động của ASEAA� do Ban Thư ký ASEAA� hoặc các cơ quan, tổ chức thuộc Chính phủ tổ chức. <p>* Hiệp định ký ngày 26/6/2003, có hiệu lực ngày 4/12/2003:</p> <p>Miễn thị thực cho người mang HCPT với thời gian tạm trú không quá 30 ngày với điều kiện hộ chiếu phải còn thời hạn giá trị ít nhất 6 tháng. Thời gian tạm trú không được gia hạn.</p> <p>* Ngày 19/01/2004, Bộ Ngoại giao In-đô-nê-xi-a có công hàm thông báo:</p> <p>Từ ngày 01/02/2004, công dân Việt � am (không phân biệt loại HC) được nhập cảnh In-đô-nê-xi-a miễn thị thực với thời gian tạm trú không quá 30 ngày. Thời gian tạm trú không được gia hạn.</p>
19	I-ran	<p>(Hiệp định ký ngày 2/5/1994, có hiệu lực từ ngày 1/6/1994):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HC� G với thời gian tạm trú tối đa 1 tháng (30 ngày). Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐĐ� G, CQLS. - Miễn thị thực nhập cảnh cho thành viên CQĐĐ� G, CQLS và thành viên gia đình họ mang HC� G, nhưng phải thông báo trước khi nhập cảnh một tháng. Sau khi nhập cảnh họ phải đến Bộ � goại giao nước sở tại để nhận thẻ cư trú.
20	I-rắc	<p>(Hiệp định ký ngày 13/6/2001, có hiệu lực từ 1/12/2001):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HC� G, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐĐ� G, CQLS. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐĐ� G, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HC� G, HCCV.
21	Ku-ru-gis-xtan	<p>(kế thừa Hiệp định về điều kiện đi lại giữa VN và Liên Xô cũ ký ngày 15/7/1981)</p> <p>Miễn thị thực cho người mang HC� G, HCCV, và HCPT đi việc công (không phân biệt mục đích nhập cảnh).</p>
22	Lào	<p>(Hiệp định miễn thị thực cho HCNG, HCCV ký ngày 17/7/1977; Công hàm trao đổi năm 1993; Thỏa thuận Cửa Lò năm 1999 và Thỏa thuận Viêng-chăn năm 2002 về miễn thị thực cho HCPT đi việc công).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HC� G, HCCV, không quy định rõ thời gian tạm trú¹. - Miễn thị thực cho người mang HCPT đi việc công (tem AB của Việt � am, ký hiệu SERVICE của Lào, ký hiệu công vụ có giá trị không quá 1 năm), cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Miễn thị thực cho người mang HCPT đi việc công với thời gian tạm trú 30 ngày kể từ ngày nhập cảnh; + Miễn thị thực cho người mang HCPT đi việc công (thuộc mọi thành phần kinh tế

¹ Hiện nay, Lào áp dụng thời gian tạm trú là 30 ngày.

		<p>và các tổ chức có tư cách pháp nhân) thực hiện các hợp đồng thương mại, lao động, đầu tư và các dự án hợp tác. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhập cảnh, chủ dự án hoặc người sử dụng lao động phải làm đầy đủ các thủ tục đăng ký cư trú cho người lao động theo qui định hiện hành của mỗi nước. Thời hạn cư trú được cấp phù hợp với thời hạn của hợp đồng lao động đã ký kết.</p> <p>+ Miễn thị thực cho người mang HCPT đi việc công là học sinh, sinh viên, thực tập sinh theo chương trình hợp tác giữa hai Chính phủ hoặc giữa các tổ chức quốc doanh hai nước. Thời hạn cư trú được cấp phù hợp với thời hạn của chương trình hợp tác. (Hiệp định ký ngày 5/3/2004, có hiệu lực ngày 01/7/2004).</p> <p>- Miễn thị thực cho người mang HCPT còn giá trị sử dụng ít nhất 6 tháng với thời gian tạm trú không quá 30 ngày; thời gian tạm trú có thể được xem xét gia hạn trong trường hợp đặc biệt. ả gười có nhu cầu nhập cảnh trên 30 ngày phải xin thị thực trước; thời gian tạm trú có thể được gia hạn.</p>
23	Ma-lai-xi-a	<p>(trao đổi công hàm, có hiệu lực từ ngày 25/11/2001):</p> <p>- Miễn thị thực cho người mang các loại hộ HC, với thời gian tạm trú không quá 30 ngày và với những mục đích sau: du lịch; tham dự các hoạt động thông tấn, báo chí; đi việc công; thăm thân nhân; đàm phán thương mại; đầu tư; tham dự các hoạt động thể thao; tham dự các hội nghị, hội thảo.</p> <p>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐĐẢ G, CQLS mang HCẢ G, HCCV và thành viên gia đình họ mang HCẢ G, HCCV. Họ và tên của những người này phải được thông báo cho nước tiếp nhận 14 ngày trước khi nhập cảnh.</p>
24	Ma-rốc	<p>(Hiệp định ký ngày 18/11/2004, có hiệu lực từ ngày 19/12/2004)</p> <p>- Miễn thị thực cho người mang HCẢ G, HCCV, hộ chiếu đặc biệt với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐĐẢ G, CQLS.</p> <p>- Miễn thị thực cho thành viên CQĐĐẢ G, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCẢ G, HCCV, hộ chiếu đặc biệt, với thời gian tạm trú 90 ngày. Trong thời gian 90 ngày sau khi nhập cảnh, những người này phải hoàn tất thủ tục đăng ký lễ tân cần thiết.</p>
25	Mê-hi-cô	<p>(Hiệp định ký ngày 6/12/2001, có hiệu lực từ ngày 4/2/2002):</p> <p>- Miễn thị thực cho người mang HCẢ G, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐĐẢ G, CQLS.</p> <p>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐĐẢ G, CQLS và thành viên gia đình họ mang HCẢ G, HCCV. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhập cảnh, những người này phải hoàn tất thủ tục lưu trú theo quy định của nước sở tại.</p>
26	Môn-đô-va	<p>(Hiệp định ký ngày 28/2/2003, có hiệu lực từ ngày 23/5/2003):</p> <p>- Miễn thị thực cho người mang HCẢ G, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày.</p> <p>- Miễn thị thực nhập cảnh cho thành viên CQĐĐẢ G, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCẢ G, HCCV. Sau khi nhập cảnh, họ phải đăng ký tạm trú phù hợp với pháp luật nước tiếp nhận.</p>
27	Mông Cổ	<p>(Hiệp định ký ngày 7/1/2000, có hiệu lực từ ngày 6/2/2000):</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HC^Ả G, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày; thời gian tạm trú có thể được gia hạn trong trường hợp bất khả kháng và theo yêu cầu bằng văn bản của CQĐĐ^Ả G, CQLS. ầu ếu có ý định tạm trú trên 90 ngày, những người nói trên phải xin thị thực trước và được cấp miễn phí. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐĐ^Ả G, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HC^Ả G, HCCV. - Miễn thị thực cho người mang HCPT nhập cảnh theo thư mời của thành viên CQĐĐ^Ả G, CQLS và được cơ quan đại diện liên quan xác nhận. Thư mời được lập bằng ngôn ngữ của nước đến hoặc bằng tiếng Anh; - Cấp thị thực cho HCPT miễn thu lệ phí và trong 1-2 ngày làm việc.
28	Mông-tê-nê-grô	<p><i>(Hiệp định² ký ngày 5/6/2000, có hiệu lực từ ngày 1/9/2000):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HC^Ả G, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐĐ^Ả G, CQLS. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐĐ^Ả G, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HC^Ả G, HCCV.
29	Mi-an-ma	<p><i>(Bản ghi nhớ ký ngày 22/6/1998; có hiệu lực từ ngày 11/8/1998):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HC^Ả G, HCCV với thời gian tạm trú không quá 30 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐĐ^Ả G, CQLS. - Thành viên CQĐ^Ả G, CQLS, TCQT, các văn phòng thương mại và thành viên gia đình họ phải xin thị thực trước khi nhập cảnh.
30	Mô-dăm-bích	<p><i>Hiệp định ký ngày 04/4/2008, có hiệu lực ngày 09/02/2009)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HC^Ả G, HCCV với thời gian tạm trú tối đa 90 ngày. - Miễn thị thực cho thành viên cơ quan đại diện ả G hoặc lãnh sự cũng như thành viên gia đình họ mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ trong suốt nhiệm kỳ công tác.
31	Nam Phi	<p><i>(Hiệp định ký ngày 24/05/2007, có hiệu lực từ ngày 23/06/2007).</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao (HC^Ả G), hộ chiếu công vụ (HCCV) với thời hạn tạm trú tối đa 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho người mang HC^Ả G, HCCV là thành viên CQĐĐ^Ả G, CQLS trên lãnh thổ Bên kia và thành viên gia đình mang HC^Ả G hoặc HCCV của những người nêu trên.
32	Nga	<p><i>(Hiệp định ký ngày 28/10/1993, có hiệu lực từ ngày 20/2/1994; công hàm sửa đổi bổ sung Hiệp định có hiệu lực từ 2/1/2005):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HC^Ả G, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn tối đa 90 ngày khi có lý do chính đáng hoặc theo yêu cầu chính thức. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐĐ^Ả G, CQLS, TCQT, cán bộ của các tổ chức, cơ quan đóng trên lãnh thổ của nhau theo

² Hiệp định ký với Cộng hoà Liên bang ả am tư, nay có hiệu lực với Séc-bia và Mông-tê-nê-grô.

		<p>thỏa thuận giữa hai Chính phủ, cùng thành viên gia đình họ mang HCẢ G, HCCV.</p> <ul style="list-style-type: none"> - ả hững người mang hộ chiếu thuyền viên là thủy thủ trên tàu của một bên có thể đến, rời khỏi tàu của họ và tạm trú trên lãnh thổ bên kia miễn thị thực. ả ếu họ đi bằng phương tiện vận tải khác qua lãnh thổ của bên kia thì được miễn thị thực khi trong hộ chiếu thuyền viên có ghi mục đích chuyến đi và nơi đến. - Miễn thị thực cho thành viên tổ bay là công dân của các bên với thời gian tạm trú không quá 30 ngày với các điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> + Làm nhiệm vụ trên các chuyến bay của các hãng hàng không được chỉ định, chuyến bay khác do các hãng hàng không hai nước thực hiện, chuyến bay chuyên cơ, chuyến bay do tổ bay thuê thực hiện trên các tàu bay tư nhân được một trong 2 bên đăng ký. + Có hộ chiếu, thẻ phi hành đoàn kèm theo danh sách tổ bay. - Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan có thẩm quyền của Bên này cấp thị thực cho công dân của Bên kia miễn thu lệ phí lãnh sự. - Cấp thị thực miễn phí cho người đi thăm thành viên CQĐĐẢ G, CQLS trên cơ sở thư mời (có xác nhận của CQĐĐ liên quan) trong vòng 3 ngày làm việc. Thị thực có giá trị nhập xuất cảnh 2 lần và thời hạn không quá 3 tháng.
33	Nhật Bản	<p><i>(Trao đổi công hàm ngày 8/3/2005, có hiệu lực từ ngày 1/5/2005)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HCẢ G, HCCV đi thực hiện chức năng ngoại giao, chức năng lãnh sự, nhiệm vụ chính thức của Chính phủ với thời hạn tạm trú không giới hạn. - Miễn thị thực cho người mang HCẢ G, HCCV đi với các mục đích khác (không bao gồm mục đích xin việc làm, cư trú, hành nghề chuyên môn, các công việc khác có thu nhập) với thời hạn tạm trú không quá 90 ngày.
34	Ni-ca-ra-go	<p><i>(Hiệp định ký ngày 14/3/1983, đang có hiệu lực):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HCẢ G, HCCV hoặc hộ chiếu chính thức. - Cấp thị thực cho các loại HC khác miễn thu lệ phí.
35	Pakistan	<p><i>(Hiệp định ký ngày 31/01/2007, có hiệu lực từ ngày 2/3/2007)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HCẢ G, HCCV với thời hạn tạm trú tối đa 90 ngày. Mỗi bên có thể gia hạn tạm trú theo yêu cầu bằng văn bản của CQĐĐẢ G và CQLS. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho người mang HCẢ G, HCCV là thành viên CQĐĐẢ G, CQLS, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế trên lãnh thổ Bên kia và thành viên gia đình họ mang HCẢ G, HCCV (bao gồm vợ, chồng, con dưới 18 tuổi). Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh phải đăng ký lưu trú.
36	Pa-na-ma	<p><i>(Hiệp định ký ngày 5/9/2002, có hiệu lực từ ngày 4/11/2002)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực đối với công dân Việt ả am (không thường trú tại Pa-na-ma) mang HCẢ G, HCCV và công dân Pa-na-ma (không thường trú tại Việt ả am) mang HCẢ G, HCCV, hộ chiếu đặc biệt, hộ chiếu lãnh sự với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐĐẢ G, CQLS là công dân Việt ả am mang HCẢ G, HCCV và công dân Pa-na-ma mang HCẢ G, HCCV, hộ chiếu lãnh sự hoặc hộ chiếu đặc biệt, và thành viên gia đình sống cùng

		một hộ với họ.
37	Pê-ru	<p><i>(Hiệp định ký ngày 24/2/2006, có hiệu lực từ ngày 2/6/2006)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HCẢ G, HCCV của Việt ả am và HCẢ G, HC đặc biệt của Pê-ru với thời gian tạm trú tối đa là 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐĐẢ G, CQLS. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên của CQĐĐẢ G, CQLS, đại diện tại TCQT trên lãnh thổ Bên kia và thành viên gia đình họ mang HCẢ G, HCCV, HC đặc biệt.
38	Pháp	<p><i>(Hiệp định ký ngày 6/10/2004, có hiệu lực từ ngày 1/7/2005)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HCẢ G với thời hạn lưu trú không quá 3 tháng trong vòng 6 tháng kể từ ngày nhập cảnh đầu tiên. Trường hợp nhập cảnh Pháp sau khi quá cảnh lãnh thổ của một hay nhiều quốc gia thành viên Công ước thi hành Hiệp định Schengen ngày 19/6/1990, thời hạn lưu trú 3 tháng được tính từ ngày nhập cảnh biên giới bên ngoài dùng để xác định không gian đi lại tự do được thiết lập giữa các quốc gia này.
39	Phi-líp-pin	<p><i>(Bản ghi nhớ ký ngày 20/01/1997, có hiệu lực từ ngày 19/02/1997):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HCẢ G với thời gian tạm trú không quá 30 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu chính thức. - Miễn thị thực cho thành viên CQĐĐẢ G, CQLS, TCQT (kể cả thành viên gia đình) mang HCẢ G với thời gian tạm trú không quá 30 ngày. Trong thời gian đó, họ phải làm các thủ tục cần thiết tại cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại. Việc nhập cảnh của các đối tượng này phải được thông báo trước qua đường ngoại giao. <p><i>(Bản ghi nhớ ký ngày 17/12/1998, có hiệu lực từ ngày 16/2/1999):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HCCV với thời gian tạm trú không quá 30 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐĐẢ G, CQLS. - Miễn thị thực cho thành viên CQĐĐẢ G, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCCV với thời gian tạm trú tối đa 30 ngày. Trong thời gian đó, họ phải làm các thủ tục cần thiết tại cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại - Miễn thị thực cho công dân một Bên làm việc cho Ban thư ký ASEAA mang HCPT khi nhập cảnh Bên kia để tham dự các hoạt động của ASEAA, thời gian tạm trú không quá 15 ngày; - Miễn thị thực cho người mang HCPT được mời tham dự các hoạt động của ASEAA do Ban thư ký ASEAA hoặc cơ quan, tổ chức thuộc Chính phủ tổ chức, thời gian tạm trú không quá 15 ngày. <p><i>(Trao đổi công hàm miễn thị thực cho HCPT theo nguyên tắc có đi có lại; có hiệu lực đối với công dân Việt Nam từ ngày 01/01/2000, đối với công dân Phi-líp-pin kể từ ngày 1/4/2000):</i></p> <p>Miễn thị thực cho người mang HCPT, thời gian tạm trú không quá 21 ngày với điều kiện hộ chiếu còn giá trị sử dụng ít nhất 6 tháng và có vé máy bay khứ hồi hoặc đi tiếp nước khác.</p>

40	Paraguay	<i>(Hiệp định ký ngày 8/3/2007, có hiệu lực từ ngày 26/10/2008)</i> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HCẢ G, HCCV với thời gian tạm trú tối đa 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐĐẢ G, CQLS. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho công dân mang HCẢ G là viên chức của CQĐĐẢ G, CQLS hoặc cơ quan đại diện tại các tổ chức quốc tế trên lãnh thổ Bên kia và thành viên gia đình họ mang HCẢ G, HCCV (bao gồm vợ, chồng, con).
41	Ru-ma-ni	<i>(trao đổi công hàm, có hiệu lực từ ngày 1/12/1956):</i> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HCẢ G, HCCV, hộ chiếu tập thể đi công vụ và HCPT đi công vụ, không quy định cụ thể thời gian tạm trú³; - Thị thực cấp cho HCPT miễn thu lệ phí.
42	Cộng hoà Séc	<i>(trao đổi công hàm ngày 15/12/1999, có hiệu lực từ ngày 13/2/2000):</i> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HCẢ G với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐĐẢ G, CQLS và thành viên gia đình ở cùng một hộ với họ mang HCẢ G.
43	Séc-bia	<i>(Hiệp định⁴ ký ngày 5/6/2000, có hiệu lực từ ngày 1/9/2000):</i> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HCẢ G, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐĐẢ G, CQLS. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐĐẢ G, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCẢ G, HCCV.
44	Sri Lan-ka	<i>(Hiệp định ký ngày 21/7/2003, có hiệu lực từ ngày 19/9/2003)</i> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HCẢ G, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo đề nghị CQĐĐẢ G, CQLS. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐĐẢ G, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCẢ G, HCCV.
45	CHDCND Triều Tiên	<i>(trao đổi công hàm):</i> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HCẢ G, HCCV và hộ chiếu tập thể đi công vụ (có hiệu lực từ 01/10/1956). - Miễn thị thực cho người mang HCPT đi công vụ (có hiệu lực từ 01/4/1966).
46	Trung Quốc	<i>(Hiệp định ký ngày 14/2/1992, có hiệu lực từ ngày 15/3/1992 Công hàm trao đổi ngày 16/8/2004)⁵:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HCẢ G, HCCV và HCPT đi việc công (áp dụng đối với vợ hoặc chồng, con chưa đến tuổi thành niên của họ cùng đi cùng chung một trong 3 loại hộ chiếu kể trên), không quy định rõ thời gian tạm trú⁶. - Miễn lệ phí thị thực cho thành viên gia đình (vợ/chồng, con, bố, mẹ) của viên chức, nhân viên hành chính-kỹ thuật CQĐĐẢ G, CQLS hai nước đi thăm thân nhân là viên chức, nhân viên cơ quan đại diện nước mình tại nước kia.

³ Hiện nay, Ru-ma-ni áp dụng thời gian tạm trú là 90 ngày.

⁴ Hiệp định ký với Cộng hoà Liên bang ả am tư, nay có hiệu lực với Séc-bia và Mông-tê-nê-grô.

47	Thái Lan	<p>(Hiệp định ký ngày 12/3/1997, có hiệu lực từ ngày 10/5/1997; Nghị định sửa đổi Hiệp định nói trên ký ngày 20/02/2004, có hiệu lực từ ngày ký):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HC^Ả G, HCCV với thời gian tạm trú không quá 30 ngày. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐĐ^Ả G, CQLS, TCQT cũng như vợ hoặc chồng và con cùng đi mang HC^Ả G, HCCV. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhập cảnh, họ phải hoàn thành thủ tục đăng ký tạm trú tại nước sở tại. <p>(Hiệp định ký ngày 9/5/2000, có hiệu lực từ ngày 9/7/2000):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HCPT với thời gian tạm trú không quá 30 ngày.
48	Thổ Nhĩ Kỳ	<p>(Hiệp định ký ngày 26/1/2007; có hiệu lực từ ngày 07/06/2007)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HC^Ả G, HCCV của Việt ả am và người mang HC^Ả G, HCCV và HC đặc biệt của Thổ ả hĩ Kỳ với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với công dân mỗi Bên là thành viên CQĐĐ^Ả G, CQLS đóng trên lãnh thổ của Bên kia, cũng như thành viên gia đình họ mang những hộ chiếu nói trên. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh, những người này phải hoàn tất các thủ tục đăng ký lưu trú với cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại.
49	Tuy-ni-di	<p>(Hiệp định ký ngày 26/6/2007, có hiệu lực ngày 20/01/2009)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho công dân Tuynisia mang HC^Ả G và HCĐB và công dân Việt ả am mang HC^Ả G và HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày
50	U-crai-na	<p>(Hiệp định ký ngày 21/10/1993, có hiệu lực từ ngày 6/12/1993):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HC^Ả G, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐĐ^Ả G, CQLS. - Miễn thị thực cho người mang hộ chiếu thuyền viên với thời gian tạm trú không quá 30 ngày. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐĐ^Ả G, CQLS, TCQT và vợ hoặc chồng, con, cha, mẹ cũng như những người khác được họ nuôi dưỡng mang HC^Ả G, HCCV.
51	Vê-nê-du-ê-la	<p>(Hiệp định ký ngày 24/5/2006, có hiệu lực từ ngày 17/11/2006)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thị thực cho người mang HC^Ả G, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐĐ^Ả G, CQLS, TCQT và vợ hoặc chồng, con, cha, mẹ mang HC^Ả G, HCCV.
52	Xin-ga-po	<p>(trao đổi công hàm, có hiệu lực từ 10/5/1997) :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việt ả am miễn thị thực cho công dân Xin-ga-po mang HC^Ả G, HCCV với thời hạn tạm trú không quá 90 ngày hoặc trong suốt nhiệm kỳ công tác chính thức đối

⁵ Hiệp định này không áp dụng đối với Hong Kong và Ma Cao.

⁶ Hiện nay, Trung Quốc áp dụng thời gian tạm trú là 30 ngày.

		<p>với những người là thành viên CQĐĐẢ G, CQLS và thành viên gia đình của những người đó.</p> <p>- Xin-ga-po miễn thị thực cho công dân Việt ả am mang HCẢ G, HCCV. (trao đổi công hàm miễn thị thực cho HCPT, có hiệu lực đối với công dân Việt Nam từ ngày 10/11/2003, đối với công dân Xin-ga-po từ ngày 01/12/2003):</p> <p>- Miễn thị thực cho người mang HCPT, thời gian tạm trú không quá 30 ngày, với điều kiện hộ chiếu còn giá trị ít nhất 6 tháng và có vé khứ hồi hoặc vé đi tiếp nước khác, có khả năng tài chính chi trả trong thời gian tạm trú và có đủ các điều kiện cần thiết để đi tiếp nước khác, bao gồm cả thị thực.</p>
53	Xlô-va-ki-a	<p>(Hiệp định ký ngày 16/10/2006, có hiệu lực từ ngày 24/2/2007):</p> <p>- Miễn thị thực cho người mang HCẢ G với thời gian tạm trú tối đa 90 ngày.</p> <p>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho công dân mang HCẢ G là viên chức của CQĐĐẢ G, CQLS hoặc cơ quan đại diện của TCQT trên lãnh thổ Bên ký kết kia và thành viên gia đình họ mang HCẢ G. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh phải đăng ký lưu trú.</p> <p>- Xem xét thuận lợi việc cấp thị thực cho người mang hộ chiếu công vụ khi có công hàm của CQĐĐẢ G, CQLS hoặc Bộ ả goại giao Bên kia.</p>
54	U-ru-goay	<p>(Hiệp định ký ngày 19/11/2007, có hiệu lực từ ngày 15/6/2008)</p> <p>- Miễn thị thực cho người mang HCẢ G, HCCV với thời gian tạm trú tối đa 90 ngày.</p> <p>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho công dân mang HCẢ G là viên chức của CQĐĐẢ G, CQLS hoặc cơ quan đại diện của TCQT trên lãnh thổ Bên ký kết kia và thành viên gia đình họ mang HCẢ G. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh phải đăng ký lưu trú.</p>

2 Hiệp định đã ký với Ắng-gô-la và Bra-xin nhưng chưa có hiệu lực.

1	Ắng-gô-la	<p>(Hiệp định ký ngày 03/4/2008, chưa có hiệu lực)</p> <p>- Miễn thị thực cho người mang HCẢ G, HCCV không quá 30 ngày cho mỗi lần nhập cảnh, và có thể được gia hạn 1 lần với thời gian tương đương.</p> <p>- Miễn thị thực cho thành viên cơ quan đại diện ả G hoặc lãnh sự cũng như thành viên gia đình họ mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ trong suốt nhiệm kỳ công tác.</p>
2	Bra-xin	<p>(Hiệp định ký ngày 24/11/2008, chưa có hiệu lực)</p> <p>- Miễn thị thực cho người HCCV 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh.</p> <p>- Thành viên CQĐĐẢ G, CQLS, TCQT và vợ hoặc chồng, con cùng sống với họ mang HCCV, được nhập cảnh miễn thị thực và được cấp thị thực tạm trú có giá trị trong suốt nhiệm kỳ công tác.</p>

Ghi chú: Ngoài ra Việt Nam đơn phương miễn thị thực cho những đối tượng sau:

1. Quan chức, viên chức Ban Thư ký ASEA⁷ được miễn thị thực Việt ả am với thời hạn tạm trú không quá 30 ngày, không phân biệt họ mang hộ chiếu gì.

(Thông tư số 04 /2002/TTLT/BCA-BNG ngày 29/01/2002 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 21/2001/NĐ-CP ngày 28/5/2001 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam).

2. Từ 01/7/2004, công dân ả hạt Bản và công dân Hàn Quốc, không phân biệt loại hộ chiếu⁷, được miễn thị thực nhập xuất cảnh Việt ả am với thời gian tạm trú không quá 15 ngày, nếu đáp ứng các điều kiện sau:

+ Có hộ chiếu hợp lệ do cơ quan có thẩm quyền của ả hạt Bản hoặc của Hàn Quốc cấp, hộ chiếu còn giá trị ít nhất 3 tháng kể từ ngày nhập cảnh.

+ Có vé phương tiện giao thông khứ hồi hoặc đi tiếp nước khác.

+ Không thuộc đối tượng không được phép nhập cảnh Việt ả am.

(Quyết định số 09/2004/QĐ-BNG ngày ngày 30/6/2004 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao v/v ban hành Quy chế tạm thời về miễn thị thực đối với công dân Nhật Bản và công dân Hàn Quốc).

3. Từ 1/5/2005, công dân Đan Mạch, ả a Uy, Phần Lan, Thụy Điển không phân biệt loại hộ chiếu và mục đích nhập cảnh được miễn thị thực nhập xuất cảnh Việt ả am với thời hạn tạm trú không quá 15 ngày, nếu đáp ứng các điều kiện sau:

+ Có hộ chiếu hợp lệ do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân cấp và hộ chiếu còn giá trị ít nhất 3 tháng kể từ ngày nhập cảnh.

+ Có vé phương tiện giao thông khứ hồi hoặc đi tiếp nước khác.

+ Không thuộc đối tượng không được phép nhập cảnh Việt ả am.

(Quyết định 808/2005/QĐ-BNG ngày 13/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao v/v ban hành Quy chế về miễn thị thực đối với công dân các nước Đan Mạch, Na Uy, Phần Lan, Thụy Điển).

4. Từ 1/1/2009, công dân ả ga không phân biệt loại hộ chiếu và mục đích nhập cảnh được miễn thị thực nhập xuất cảnh Việt ả am với thời hạn tạm trú không quá 15 ngày, nếu đáp ứng các điều kiện sau:

+ Có hộ chiếu hợp lệ do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân cấp và hộ chiếu còn giá trị ít nhất 3 tháng kể từ ngày nhập cảnh.

+ Có vé phương tiện giao thông khứ hồi hoặc đi tiếp nước khác.

+ Không thuộc đối tượng không được phép nhập cảnh Việt ả am.

(Quyết định số 3207/2008/QĐ-Bả G ngày 10/12/2008 của Bộ trưởng Bộ ả goại giao v/v ban hành Quy chế miễn thị thực cho công dân Liên bang ả ga mang hộ chiếu phổ thông).

⁷ Thực tế, chủ yếu áp dụng đối với HCPT vì ả hạt Bản và Hàn Quốc đã có thoả thuận với Việt ả am về miễn thị thực cho người mang HCả G, HCCV.